

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 16/6/2022
V/v: “*Yêu cầu không công nhận
vợ chồng và được quyền nuôi con
chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thu Ba**

Ông Nguyễn Phước Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hồng Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ: Ông **Lê Minh Dũng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố PQ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng và được quyền nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lâm Hữu Th**, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ 5, ấp B, xã HN, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 5, ấp B, xã HN, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ hiện nay: Khu phố 6, phường D, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

(Ông Th và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai nguyên đơn ông Lâm Hữu Th trình bày:

Vào năm 2011 ông Th và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau và về chung sống như vợ chồng tại ấp B, xã HN, PQ, Kiên Giang, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời gian đầu ông và bà T chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Sau một thời gian chung sống thì cả

hai có với nhau một người con chung tên Lâm Hữu Th, sinh ngày 31/12/2015. Đến năm 2020, bà T thường xuyên chơi cờ bạc gây ra nợ nần, mặc dù đã được ông Th nhiều lần khuyên ngăn nhưng bà T không bỏ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau và bất đồng ý kiến trong cuộc sống. Đến tháng 4 năm 2021 ông Th và bà T đã sống ly thân từ đó cho đến nay, bà T dọn ra ngoài sinh sống. Ông Th xác định ông và bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, ông không muốn đoàn tụ hay đăng ký kết hôn với bà T mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn, không công nhận mối quan giữa ông với bà T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Th và bà T có 01 con chung tên Lâm Hữu Th, sinh ngày 31/12/2015, từ nhỏ cháu Th đã sống cùng với ông Th, nên ông Th có nguyện vọng nuôi cháu Th đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông.

Về tài sản chung: Ông Th và bà T tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Th cam kết ông và bà T không nợ ai và cũng không ai nợ ông, bà, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của ông Lâm Hữu Th về thời gian bà và ông Th quen biết nhau và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 tại ấp B, xã HN, TP. PQ, tỉnh Kiên Giang, đến nay cả hai không đăng ký kết hôn.

Nay ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Th và bà được ly hôn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Th thì bà hoàn toàn đồng ý, do bà có gây ra một số nợ khoảng 30.000.000 đồng là nợ riêng của bà, dẫn đến bà và ông Th phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, nên bà đã dọn ra ngoài ở trọ và sinh sống riêng từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay, từ đó làm cho tình cảm giữa bà và ông Th ngày càng lạnh nhạt, không ai còn quan tâm đến ai. Bà nhận thấy giữa bà và ông Th không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa, bản thân bà cũng không muốn đoàn tụ hay đăng ký kết hôn với ông Th. Do đó, bà thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Th là vợ chồng, để cả hai thật sự được tự do, có cuộc sống riêng.

Về con chung: Đúng như lời ông Th trình bày, giữa bà và ông Th chỉ có một người con chung tên Lâm Hữu Th, sinh ngày 31/12/2015, bà đồng ý giao con chung cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông Th.

Về tài sản chung: Bà và ông Th sẽ tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết giữa bà và ông Th không nợ ai và cũng không ai nợ bà và ông Th, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Ông Lâm Hữu Th và bà Nguyễn Thị Kim T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến nay, mặc dù cả hai có đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn, nên pháp luật không thừa nhận mối quan hệ của ông, bà là vợ chồng. Vì vậy, ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa ông và bà T là vợ chồng là có cơ sở. Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Th và bà T; Về con chung: Ông Th có nguyện vọng nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lâm Hữu Th, sinh ngày 31/12/2015 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, bà T đồng ý để cháu Th tiếp tục sống cùng với ông Th, nên ông Th được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th đến khi trưởng thành. Do ông Th không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, nên bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông Th; Về tài sản chung: Ông Th và bà T tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét; Về nợ chung: Ông Th và bà T cam kết không nợ ai và cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T có nơi cư trú tại địa bàn thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn ông Lâm Hữu Th và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Th và bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 ông Lâm Hữu Th và bà Nguyễn Thị Kim T sống chung như vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến nay mặc dù ông Th và bà T đủ điều kiện kết hôn nhưng cả hai vẫn chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống ông, bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn hạnh phúc. Ông Th và bà T đã chính thức ly thân, không còn sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án ông, bà không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa, cả hai không có thiện chí đoàn tụ và đăng ký kết hôn, vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông, bà. Xét thấy, ông Th và bà T không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và đều yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng, nên căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Th và bà T.

Về con chung: Ông Th và bà T xác nhận trong thời gian chung sống, ông bà chỉ có một người con chung tên Lâm Hữu Th, sinh ngày 31/12/2015. Hiện nay, cháu Th đang sinh sống cùng ông Th, do ông Th trực tiếp nuôi dưỡng, bà T đồng ý để cháu Th tiếp tục chung sống với ông Th đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông Th, ông Th cũng không yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận vấn đề nuôi con chung theo ý kiến của ông Th và bà T, giao cháu Th cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông Th và bà T tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông Th và bà T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

Ông Lâm Hữu Th phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lâm Hữu Th và bà Nguyễn Thị Kim T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Hữu Th, sinh ngày 31/12/2015 cho ông Lâm Hữu Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà Nguyễn Thị Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông Th.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về tài sản chung: Ông Lâm Hữu Th và bà Nguyễn Thị Kim T tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Lâm Hữu Th và bà Nguyễn Thị Kim T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Lâm Hữu Th phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí ông Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu T số 0004357 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PQ, Kiên Giang.

Ông Lâm Hữu Th và bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. PQ;
- Chi cục THADS TP. PQ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nhung

